

Bản án số: **82/2021/DS-PT**

Ngày: 09/6/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huồn.

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Hương và bà Lê Thị Thanh Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLPT-DS ngày 16/3/2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2021/QĐPT-DS ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H - Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Ea B, huyện B, Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D và Nguyễn Thị T - Có mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã Ea B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2020 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày:*

Ngày 22/6/2017, vợ chồng ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị T vay bà 20.000.000đ; Lãi suất vay 1,5%/tháng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày 18/11/2017 âm lịch (tức là ngày 05/12/2017 dương lịch), ông D và bà T trả cho bà 10.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi của 10.000.000đ nợ gốc đã trả; Số tiền nợ gốc còn lại 10.000.000đ và tiền lãi suất, ông D và bà T chưa trả cho bà.

Ngày 10/11/2018, ông D và bà T vay bà 65.000.000đ; Lãi suất vay 02%/tháng; Thời hạn vay 02 tháng; Đến hạn trả nợ, ông D và bà T chưa trả cho bà tiền nợ gốc và tiền lãi.

Trước đây, ông D và bà T vay bà 30.000.000đ; Tính đến ngày 16/9/2019 âm lịch (tức ngày 14/10/2019 dương lịch) số tiền lãi suất là 17.000.000đ; Ngày 14/10/2019, ông D và bà T viết giấy vay bà số tiền 30.000.000đ và tiền lãi chưa trả là 17.000.000đ;

Thời hạn vay là 06 tháng; Ngày 24/01/2021, ông Dương và bà Thu đã trả cho bà 3.000.000đ tiền lãi.

Hiện tại ông D và bà T còn nợ bà 105.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất chưa trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T, phải trả cho bà 105.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất 01%/tháng, kể từ ngày vay tiền; Tổng cộng khoản tiền lãi là 47.600.000đ.

*Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, vợ chồng ông, bà vay bà Phan Thị H nhiều lần; Hiện tại vợ chồng ông, bà còn nợ bà H 105.000.000đ tiền nợ gốc, đúng như bà H đã trình bày; Việc bà H khởi kiện yêu cầu ông, bà trả tiền nợ gốc và tiền lãi suất; Vợ chồng ông, bà xin trả dần cho bà H khoản tiền nợ gốc trong vòng 15 tháng; Đối với khoản tiền lãi, vợ chồng ông, bà không có khả năng trả cho bà H; Trước đây, ông và bà đã trả tiền lãi cho bà H nhiều lần nhưng không có giấy tờ để chứng minh.

**Tại bản án số 02/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc bị đơn là ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 105.000.000đ và 47.600.000đ tiền lãi suất, tổng cộng 152.600.000đ.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2020, bị đơn là ông Trần Văn D có đơn kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Tại phiên toà phúc thẩm, ông D và bà T yêu cầu Toà án xem xét lại khoản tiền lãi suất, vì vợ chồng ông bà đã trả tiền lãi cho bà H nhiều lần.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà H cung cấp hợp đồng ông D và bà T vay bà 30.000.000đ vào ngày 05/12/2015 âm lịch (tức là ngày 14/01/2016 dương lịch), được viết lại giấy vay tiền vào ngày 14/10/2019 và yêu cầu ông D và bà T trả tiền lãi suất 01%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tại phiên toà phúc thẩm, bà H cung cấp hợp đồng ông D và T vay của bà 30.000.000đ vào ngày 14/01/2016; Theo tính toán của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khoản tiền lãi suất của khoản tiền nợ gốc 105.000.000đ, mà ông Dương và bà T vay bà H, tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.556.600đ, được khấu trừ 3.000.000đ tiền lãi, mà ông D và T đã trả cho bà H vào ngày 24/01/2021; Khoản tiền lãi còn lại là 37.556.600đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn D, sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi suất.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cung cấp hợp đồng cho ông D và T vay 30.000.000đ vào ngày 14/01/2016; Ông D và bà T thừa nhận khoản vay này và đề nghị Toà án tính lại khoản tiền lãi suất; Khoản vay này, với lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi là 18.470.000đ, được khấu trừ 3.000.000đ tiền lãi ông D và bà T đã trả vào ngày 24/01/2021, số tiền lãi còn lại là 15.470.000đ; Khoản vay 10.000.000đ vào ngày 22/6/2017 với lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi là 4.406.600đ; Khoản vay 65.000.000đ vào ngày 10/11/2018, với lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi là 17.680.000đ; Tổng số tiền lãi là 37.556.600đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn D, sửa một phần bản án về khoản tiền lãi suất, buộc ông D và bà T trả cho bà H số tiền lãi suất là 37.556.600đ.

[3] Do sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ các đương sự phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Trần Văn D; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Buộc ông Trần Văn Dưỡng và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Phan Thị H 105.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và 37.556.600đ tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2021), tổng cộng 142.556.600đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T, phải trả số tiền lãi suất 10.043.400đ.

3. Về án phí: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T, phải chịu 7.127.830đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm,

hoàn trả số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0010774 ngày 18/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn.

Bà Phan Thị H phải chịu 502.170đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.815.000đ, theo biên lai số: AA/2019/0010756 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn; Bà H được nhận lại 3.312.830đ tiền tạm ứng án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huân**